

Số: 27/2013/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định các điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao (sau đây viết tắt là cơ sở ươm tạo công nghệ cao); thẩm quyền, trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận).

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành thành lập và vận hành cơ sở ươm tạo công nghệ cao tại Việt Nam.

Điều 2. Điều kiện đối với cơ sở ươm tạo công nghệ cao

Cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải đáp ứng được các điều kiện cụ thể sau đây:

1. Công nghệ được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Doanh nghiệp được ươm tạo trong cơ sở ươm tạo công nghệ cao là doanh nghiệp tạo ra các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hạ tầng kỹ thuật

a) Có địa điểm đặt trụ sở gắn kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu như trường đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao;

b) Có diện tích đảm bảo đủ cung cấp cho ít nhất 10 dự án ươm tạo đồng thời;

c) Phòng thí nghiệm, phòng sản xuất thử nghiệm được trang bị các thiết bị thiết yếu đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm. Khuyến khích phòng thí nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007;

d) Phòng hội thảo có sức chứa tối thiểu 25 người, được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại phù hợp sử dụng tổ chức các hội thảo trong nước và quốc tế, cũng như sử dụng làm phòng họp, làm việc nhóm;

đ) Có dịch vụ tra cứu cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế, gắn kết với các địa chỉ tra cứu cơ sở dữ liệu như VISTA của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

e) Có các thiết bị văn phòng dùng chung.

4. Đội ngũ quản lý

Đội ngũ quản lý của cơ sở ươm tạo công nghệ cao phải có ít nhất 05 thành viên và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có chứng chỉ đào tạo về quản lý ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ;

b) Có kinh nghiệm về quản lý liên quan đến hoạt động ươm tạo.

5. Đội ngũ chuyên gia tư vấn

Có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn có hợp đồng tư vấn dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong mỗi lĩnh vực công nghệ ươm tạo, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính, quản lý và quản trị doanh nghiệp, marketing. Chuyên gia phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trình độ chuyên môn: Có chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực tham gia tư vấn và đạt trình độ đại học trở lên, sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tư vấn;

b) Có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn;

c) Ưu tiên các chuyên gia trong cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ; khuyến khích các chuyên gia tư vấn nước ngoài, chuyên gia người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

6. Khả năng liên kết với các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo phục vụ hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

7. Có kế hoạch kinh doanh phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ cao.

8. Các điều kiện khác

a) Có chứng chỉ Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao. Khuyến khích cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2010 về hệ thống quản lý môi trường;

c) Khuyến khích cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 27001:2009 về hệ thống quản lý an toàn thông tin.

Điều 3. Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành thành lập và vận hành cơ sở ươm tạo công nghệ cao tại Việt Nam nếu có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận thì được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy chứng nhận.

2. Văn phòng Chứng nhận hoạt động công nghệ cao và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Văn phòng Chứng nhận) có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Biểu B1a-TCCSUT; Biểu B1b-CNCSUT);

b) Bản chứng thực: Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị đối với cá nhân;

c) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 của Thông tư này (Biểu B2-TMCSUT);

d) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Biểu B3a-LLKH); danh sách các chuyên gia tư vấn (Biểu B3b-DSCG);

đ) Văn bản cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 - 03 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia cơ sở ươm tạo công nghệ cao). Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực, trang thiết bị, máy móc của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, trường hợp sử dụng của các đơn vị liên kết, phải có các văn bản chứng minh năng lực của các đơn vị này;

e) Văn bản chứng minh hợp tác, liên kết của cơ sở ươm tạo công nghệ cao với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức tài chính, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao trong nước và ngoài nước.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận được làm bằng ngôn ngữ tiếng Việt và lập thành 01 bản gốc, 01 bản sao và 01 bản điện tử nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện đến Văn phòng Chứng nhận.

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Văn phòng Chứng nhận có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Văn phòng Chứng nhận phải có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bổ sung, sửa chữa hồ sơ và gửi lại Văn phòng Chứng nhận. Nếu quá thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc bổ sung, hoàn thiện không đạt yêu cầu thì Văn phòng Chứng nhận có văn bản từ chối cấp Giấy chứng nhận gửi cho tổ chức, cá nhân.

3. Trong trường hợp cần thiết, Văn phòng Chứng nhận tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để làm rõ những vấn đề nêu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

4. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ hoặc kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan, Văn phòng Chứng nhận có trách nhiệm tổ chức thẩm định như sau:

Quy trình thẩm định được thực hiện trên cơ sở vận dụng các quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 32/2011/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao;

Văn phòng Chứng nhận tổ chức đi kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

5. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi có biên bản kết luận thẩm định, Văn phòng Chứng nhận có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận và gửi cho tổ chức, cá nhân;

Mẫu Giấy chứng nhận theo mẫu B4-CSUTCNC ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận thì phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Thu hồi Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận, cơ sở ươm tạo công nghệ cao không hoạt động;

b) Giả mạo hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

c) Vi phạm một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 8 Luật Công nghệ cao;

d) Trong quá trình hoạt động, tổ chức, cá nhân không đáp ứng các quy định của pháp luật về cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

đ) Theo quyết định, đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình hoạt động.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận

Đối với các tổ chức, cá nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận, tùy từng trường hợp cụ thể sẽ bị thu hồi, truy thu hoặc bồi hoàn những hỗ trợ, ưu đãi đã được hưởng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận khi tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận theo định kỳ 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả hoạt động về Văn phòng Chứng nhận.

2. Văn phòng Chứng nhận chịu trách nhiệm như sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, giám sát việc duy trì điều kiện hoạt động của các cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

b) Lập danh sách các cơ sở ươm tạo công nghệ cao đang hoạt động, bổ sung hoặc xóa tên các cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong Danh sách các cơ sở ươm tạo công nghệ cao theo Quyết định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận và công bố trên trang thông tin điện tử (Website) của Bộ Khoa học và Công nghệ và của Văn phòng Chứng nhận;

c) Làm đầu mối phát hiện, xử lý theo thẩm quyền những vướng mắc, sai sót, những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện; trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định những vấn đề vượt quá thẩm quyền và kiến nghị

các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả gây ra sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban Chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, CNC.



TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO
CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
(Mẫu đơn dành cho tổ chức)**

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin chung

Tên tổ chức đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Số điện thoại:

Fax :

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được đầu tư theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Chúng tôi xin chuyển đến Quý Bộ hồ sơ sau :

a) Bản chứng thực của một trong số các giấy tờ sau: Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

c) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; danh sách các chuyên gia tư vấn;

d) Văn bản pháp lý cam kết về vốn; chứng minh năng lực của tổ chức; chứng minh sự đồng ý liên kết của các tổ chức, các cá nhân,....;

đ) Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, địa phương theo mẫu quy định.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong Hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Bộ xem xét và cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO
CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**
(Mẫu đơn dành cho cá nhân)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thông tin chung

Họ và tên cá nhân đề nghị:

Địa chỉ liên hệ:

Địa điểm thực hiện cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Số điện thoại:

Fax :

2. Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được đầu tư theo Quyết định đầu tư, Giấy phép đầu tư (nếu có)

3. Chúng tôi xin chuyên đến Quý Bộ hồ sơ sau :

a) Bản chứng thực của một trong số các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có); Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (còn giá trị ít nhất 12 tháng), kèm theo 02 ảnh cỡ 4 x 6 cm.

b) Thuyết minh về năng lực của cơ sở ươm tạo công nghệ cao;

c) Lý lịch khoa học của chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; danh sách các chuyên gia tư vấn;

d) Văn bản pháp lý cam kết về vốn; chứng minh năng lực của cá nhân; chứng minh sự đồng ý liên kết của các tổ chức, các cá nhân,...;

đ) Bản xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, địa phương theo mẫu quy định.

Tôi cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung kê khai trong hồ sơ.

Kính đề nghị Quý Bộ xem xét và cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên)

THUYẾT MINH NĂNG LỰC CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO,
ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

I. Thông tin chung	
1	Tên cơ sở ươm tạo công nghệ cao
2	Các công nghệ, sản phẩm công nghệ ươm tạo chính; các doanh nghiệp ươm tạo chính
3	Trụ sở đăng ký, điện thoại, fax
4	Quyết định thành lập và chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị đối với cá nhân
5	Hình thức đầu tư Bên Việt Nam (tên tổ chức, cá nhân) Bên nước ngoài (tên tổ chức, cá nhân)
6	Thông tin cơ sở ươm tạo công nghệ cao 6.1. Mặt bằng địa điểm xây dựng hiện nay • Địa chỉ: • Diện tích sử dụng: 6.2. Thời hạn được phép hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao 6.3. Thời điểm chính thức hoạt động 6.4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động chính của cơ sở ươm tạo công nghệ cao 6.5. Tổng vốn đầu tưVN đồngUSD, trong đó: • Vốn cố định:.....VN đồng/USD, bao gồm + Nhà xưởng.....m ² , trị giá.....VN đồng/USD + Văn phòng.....m ² , trị giá.....VN đồng/USD + Phòng hội thảo, phòng thí nghiệm và thử nghiệm.....m ² , trị giá.....VN đồng/USD + Trang thiết bị, máy móc.....trị giá.....VN đồng/USD + Giá trị công nghệ được đưa vào vốn cố định.....VN đồng/USD • Vốn cố định khác.....VN đồng/USD • Vốn pháp định.....VN đồng/USD + Bên Việt Nam.....%, là.....VN đồng/USD Gồm: - Tiền, tương đương.....VN đồng/USD

- Tài sản khác, tương đương.....VN đồng/USD
 + Bên nước ngoài.....%, là.....VN đồng/USD
 Gồm: - Tiền, tương đương.....VN đồng/USD
 - Tài sản khác.....VN đồng/USD

II. Mục tiêu, nội dung chủ yếu

7	Mục tiêu của cơ sở ươm tạo công nghệ cao
	<p>7.1. Phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội (giải quyết những mục tiêu, vấn đề cụ thể gì phục vụ chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, của địa phương,...)</p> <p>7.2. Phù hợp với tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam (ứng dụng, phát triển, giải mã, làm chủ những công nghệ gì? Thử nghiệm, sản xuất sản phẩm công nghệ gì? Sản phẩm công nghệ tạo ra đạt trình độ nào so với các nước trong khu vực và quốc tế,...?)</p> <p>7.3. Phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao.</p>
8	Tổng quan tình hình hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao
	<p>8.1. Ngoài nước</p> <p>8.2. Trong nước</p>
9	Định hướng công nghệ ươm tạo, loại hình doanh nghiệp ươm tạo
	<p>9.1. Giải trình rõ công nghệ được ươm tạo, sản phẩm công nghệ tạo ra phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển quy định tại Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>9.2. Giải trình rõ về các loại hình doanh nghiệp ươm tạo.</p>
10	Cơ sở ươm tạo công nghệ cao đáp ứng các điều kiện cụ thể quy định tại Điều 2 của thông tư số 27/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
	<p>10.1. Giải trình các công nghệ được ươm tạo</p> <p>10.2. Giải trình các doanh nghiệp được ươm tạo</p> <p>10.3. Giải trình về hạ tầng kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giải trình rõ về hạ tầng kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho việc ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. • Hồ sơ quy hoạch chi tiết của cơ sở ươm tạo công nghệ cao, bao gồm: sơ đồ vị trí địa lý và giới hạn khu đất; bản đồ hiện trạng (hệ thống hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan); bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, các phòng ban chức năng; các bản vẽ minh họa; bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật. • Bộ hồ sơ chi tiết chứng minh các trang thiết bị, máy móc (xuất xứ của thiết bị; ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị; công suất của thiết bị; năm chế tạo của thiết bị; tình trạng thiết bị; thời gian bảo hành; tính đồng bộ của thiết bị); hạ tầng mạng viễn thông, internet; cơ sở dữ liệu, tài liệu nghiên cứu đáp ứng được nhu cầu ươm tạo; các dịch vụ hỗ trợ khác. <p>10.4. Giải trình về đội ngũ quản lý và lực lượng lao động trực tiếp làm việc tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao: Giải trình rõ về trình độ, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ lãnh đạo; giải trình cụ thể về số lượng cán bộ, công nhân viên, trình độ chuyên môn,</p>

kinh nghiệm và kỹ năng làm việc của cán bộ, công nhân viên nêu trên.

10.5. Giải trình về đội ngũ chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao: Giải trình rõ về số lượng chuyên gia tư vấn, trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm tư vấn; các cam kết hỗ trợ tư vấn lâu dài với cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia tư vấn hỗ trợ lâu dài cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong việc tư vấn cho các nhóm nghiên cứu trẻ, tổ chức, cá nhân ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

Danh sách các chuyên gia tư vấn được lập theo bảng sau:

STT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho cơ sở ươm tạo công nghệ cao (Số tháng quy đổi ¹)
1				
2				

10.6. Giải trình về khả năng liên kết: Giải trình rõ về tầm quan trọng của việc liên kết giữa các tổ chức, cá nhân liên quan đến ươm tạo; khả năng thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ vào hoạt động ươm tạo của cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các văn bản pháp lý cam kết, đồng ý liên kết, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân về hạ tầng kỹ thuật, vốn, chuyên gia,...

Danh sách các tổ chức, cá nhân liên kết và các nội dung liên kết

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Lĩnh vực hoạt động	Nội dung liên kết (Đề nghị ghi cụ thể)
1				
2				

10.7. Kế hoạch ươm tạo, kế hoạch phát triển

(thể hiện rõ vai trò của cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong việc đầu tư, xây dựng và quản lý cơ sở ươm tạo công nghệ cao; các phương pháp thu hút các nhóm nghiên cứu trẻ, các tổ chức, cá nhân có ý tưởng nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao tạo ra, đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam)

10.7.1. Bản tóm tắt

10.7.2. Chiến lược ươm tạo

Các cơ chế, chính sách của cơ sở ươm tạo công nghệ cao về việc thu hút các nhóm nghiên cứu trẻ, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao.

10.7.3. Sản phẩm ươm tạo

10.7.4. Thị trường

- Dự báo về xu thế phát triển công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao trên thế giới; nhu cầu chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng, mức độ thân thiện với môi trường; khả năng thay thế sản phẩm nhập khẩu của công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được ươm tạo và góp phần nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.
- Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo; dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng; khả năng cạnh tranh (về chất

¹ Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

- Dự báo về số lượng doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao được thành lập mới; khả năng thích nghi, sẵn sàng sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghệ, sản phẩm công nghệ cao đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước; Dự báo về nguồn lực, nhân lực KH&CN; dự báo nguồn lực, nhân lực công nghệ cao được đào tạo trong quá trình ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

10.7.5. Chiến lược marketing và tiêu thụ sản phẩm

Giải trình rõ về tầm quan trọng của việc quảng bá sản phẩm, xây dựng một kế hoạch có hệ thống để thực thi và điều chỉnh các hoạt động ươm tạo sao cho tổ chức, cá nhân được ươm tạo và các doanh nghiệp có thể trao đổi và tiếp nhận sản phẩm, dịch vụ mà doanh nghiệp quan tâm.

10.7.6. Đội ngũ lãnh đạo

Cần chứng minh năng lực của đội ngũ lãnh đạo. Sơ đồ tổ chức lãnh đạo, công tác đào tạo và quản lý nhân sự trong vòng 05 năm tới.

10.7.7. Kế hoạch phát triển

- Phải tính toán chi phí và doanh thu thực tế, chi tiết để tính được lợi nhuận thu được.
- Lập kế hoạch phát triển ươm tạo, lập kế hoạch phát triển tài chính trong ngắn hạn và dài hạn.
- Trình bày hoạt động kinh doanh cụ thể trong vòng 05 năm tới.

10.7.8. Những cơ hội và nguy cơ

- Cần thể hiện được những cơ hội đặc biệt hoặc những rủi ro có thể phát sinh.
- Cần tính toán kỹ lưỡng bản kế hoạch kinh doanh trong điều kiện thuận lợi và trong tình huống bất lợi.
- Những yếu tố có thể ảnh hưởng tới hoạt động ươm tạo.

10.7.9. Kế hoạch vốn, kế hoạch triển khai duy trì hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao

- **Giải trình về kế hoạch vốn:** giải trình rõ về năng lực tài chính (khả năng huy động vốn, hoàn vốn, trả nợ,...) của cơ sở ươm tạo công nghệ cao.
- **Giải trình về tổng chi bình quân cho hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ cao trong 01 năm, bao gồm:**
 - Tiền lương, tiền công, phụ cấp cho các cán bộ làm việc tại cơ sở ươm tạo công nghệ cao; tiền công, tiền thù lao cho chuyên gia tư vấn có hợp đồng dài hạn với cơ sở ươm tạo công nghệ cao, cho các chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá các kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học, các khóa đào tạo tư vấn thường xuyên và chuyên sâu; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; tiền chi hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân ươm tạo; chi cho việc marketing, quảng cáo và PR cho các sản phẩm ươm tạo thành công.
 - Mua và vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, nhiên liệu, năng lượng, phục vụ cho ươm tạo.
 - Mua sản phẩm mẫu, tài liệu, số liệu quan trắc, số liệu điều tra, thông tin điện tử, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ ươm tạo.
 - Mua sắm các trang thiết bị, máy móc đồng bộ, hiện đại phục vụ cho việc ươm tạo.

- Tiền chi cho bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, nhà xưởng.

10.7.10. Tài liệu kèm theo

10.8. Giải trình về kế hoạch tư vấn, đào tạo thường xuyên và chuyên sâu cho các tổ chức, cá nhân ươm tạo: Lập kế hoạch đào tạo theo quý, theo năm, trong đó cần nêu rõ các tiêu chí về nội dung chuyên môn cần đào tạo, dự kiến chuyên gia tư vấn đáp ứng khóa đào tạo.

10.9. Giải trình hệ thống quản lý chất lượng; các quy định, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, tiết kiệm năng lượng, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn thông tin: Giải trình rõ các quy định, các chế tài của cơ sở ươm tạo công nghệ cao để đạt được các tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tương đương với quốc tế.

10.10. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có):

- Sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng (xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho hoạt động thường xuyên của cơ sở ươm tạo công nghệ cao; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất, thử nghiệm ra sản phẩm; xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường).
- Hiệu quả của công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao đối với kinh tế - xã hội (công nghệ cao mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường hoặc thị trường mới, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của cơ sở ươm tạo công nghệ cao,...), đối với địa phương, ngành (nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương,...).
- Hiệu quả của việc phát triển các doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao đối với địa phương, ngành, quốc gia.
- Hiệu quả của việc đào tạo, nâng cao nguồn lực, nhân lực KH&CN.
- An toàn và vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

III. Dự kiến một số sản phẩm đạt được của cơ sở ươm tạo công nghệ cao

11 Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với công nghệ, sản phẩm công nghệ tạo ra						
STT	Tên công nghệ, sản phẩm công nghệ và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng công nghệ, sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự		
				Trong nước	Thế giới	
11.1	Công nghệ					
1						
2						
11.2	Sản phẩm công nghệ					
1						
2						
11.3	Công nghệ cao					

1					
2					
11.4	Sản phẩm công nghệ cao				
1					
2					
12	Doanh nghiệp KH&CN				
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh		Ghi chú	
1					
2					
13	Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao				
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh		Ghi chú	
1					
2					
14	Doanh nghiệp công nghệ cao				
STT	Tên doanh nghiệp	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh		Ghi chú	
1					
2					
15	Nguồn nhân lực				
STT	Lĩnh vực chuyên môn	Dự kiến số nhân lực	Ghi chú		
15.1.	Nhân lực KH&CN				
1					
2					
15.2.	Nhân lực công nghệ cao				
1					
2					
16	Đóng góp của cơ sở ươm tạo công nghệ cao				
<ul style="list-style-type: none"> • Đối với khoa học và công nghệ • Đối với kinh tế - xã hội 					

....., ngày tháng năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu-nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Họ và tên:			
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:	
4. Học hàm:		Năm được phong:	
Học vị:		Năm đạt học vị:	
5. Lĩnh vực nghiên cứu trong 05 năm gần đây:			
Khoa học Tự nhiên <input type="checkbox"/>	Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ <input type="checkbox"/>	Khoa học Y dược <input type="checkbox"/>	
Khoa học Xã hội <input type="checkbox"/>	Khoa học Nhân văn <input type="checkbox"/>	Khoa học Nông nghiệp <input type="checkbox"/>	
Mã chuyên ngành KH&CN:		Tên gọi:	
<i>(Ví dụ: mã chuyên ngành KH&CN: 1 0 6 0 3</i>	1	0	6 0 3 <i>Tên gọi: Vi sinh vật học</i>
(Mã chuyên ngành KH&CN căn cứ theo Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu KH&CN ban hành kèm theo quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng bộ KH&CN)			
6. Chức danh nghiên cứu:		Chức vụ hiện nay:	
7. Địa chỉ nhà riêng:			
Điện thoại NR: _____		; CQ: _____ ; Mobile: _____	
E-mail: _____			
8. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân:			
Tên cơ quan: _____			
Tên người đứng đầu: _____			
Địa chỉ cơ quan: _____			
Điện thoại: _____		; Fax: _____ ; Website: http://www.	
9. Quá trình đào tạo			
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			

10. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)					
STT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1					
2					
11. Quá trình công tác					
Thời gian (từ năm...đến năm...)	Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Cơ quan công tác		
12. Các công trình KH&CN chủ yếu được công bố (liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 05 năm gần nhất)					
STT	Tên công trình (bài báo, công trình,...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng)	Năm công bố	
1	Tạp chí quốc tế				
2	Tạp chí quốc gia				
3	Hội nghị quốc tế				
13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có)					
STT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng			
1					
2					
14. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)					
STT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian		
1					
2					

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 05 năm gần đây

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,...)

STT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng
1		
2		

17. Kinh nghiệm về quản lý, đánh giá KH&CN (số lượng các Hội đồng tư vấn, xét duyệt, nghiệm thu, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án KH&CN cấp Nhà nước trong và ngoài nước đã tham gia trong 05 năm gần đây)

STT	Hình thức Hội đồng	Số lần
1		
2		

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

....., ngày tháng năm.....
CHUYÊN GIA
(Ký, họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

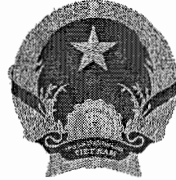
DANH SÁCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

TT	Họ và tên	Lĩnh vực tư vấn	Đơn vị công tác	Ghi chú
I	Chuyên gia có hợp đồng dài hạn			
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
II	Chuyên gia tư vấn khác			
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

....., ngày tháng năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký, họ tên và đóng dấu-nếu có)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO
DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO**
Số chứng nhận:...../CSUTCNC

- Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;
- Căn cứ Quyết định số 55/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục chứng nhận tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận tổ chức, cá nhân nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và công nhận doanh nghiệp công nghệ cao;
- Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

Tên viết tắt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với tổ chức); Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân) số.....ngày cấp..... nơi cấp

Địa chỉ đặt trụ sở cơ sở ươm tạo công nghệ cao:

**Là cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao và đã được
đăng ký vào sổ đăng ký tại Văn phòng Chứng nhận, Bộ Khoa học và Công nghệ**

Số đăng ký:...../ĐK-VPCN; Quyền số:.....; ngày.....tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp.

Hà nội, ngày tháng năm.....

BỘ TRƯỞNG

Mặt sau Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ƯƠM TẠO CÔNG NGHỆ CAO, ƯƠM TẠO DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

Cơ sở ươm tạo công nghệ cao được cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

- 1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.*
- 2. Nghiêm cấm sửa chữa, tẩy xoá nội dung trong Giấy chứng nhận.*
- 3. Nghiêm cấm cho mượn, thuê Giấy chứng nhận.*
- 4. Phải làm thủ tục thay đổi, bổ sung tại cơ quan cấp Giấy chứng nhận khi có thay đổi, bổ sung một trong các thông tin ghi trong Giấy chứng nhận.*